

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2022.

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình ly
hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

2. Bà Lý Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2022/QĐXX-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm: 1984 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn Cẩm T, sinh năm: 1975 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Ấp Hạ, Xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử;

Nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị H và anh T tự tìm hiểu nhau và gia đình đồng ý tổ chức đám cưới năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 14/11/2007. Trong thời gian sống chung vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm, vì anh T thường hay đi nhậu về kiểm chuyện chửi mắng vô cớ, chị có khuyên nhiều

lần nhưng anh T không thay đổi làm cho mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, tình cảm phai nhạt, cuộc sống không hạnh phúc. Chị H và anh T ly thân năm 2018 đến nay, từ khi ly thân đến nay anh chị không có gặp nhau hàn gắn được. Về con chung cháu Lê Thanh T, sinh ngày 03/8/2007 và cháu Lê Thái H, sinh ngày 06/4/2010 hiện nay con đang sống với anh T. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Trần Thị H yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn Cẩm T. Con chung yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Thanh T, sinh ngày 03/8/2007 đến trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, thống nhất giao cháu Lê Thái H, sinh ngày 06/4/2010 cho anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi con đến trưởng thành đủ 18 tuổi, chị H không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Lê Văn Cẩm T trình bày:* Thống nhất lời trình bày của chị H về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay anh Lê Văn Cẩm T thống nhất ly hôn với chị Trần Thị H, con chung thống nhất giao cháu Lê Thanh T, sinh ngày 03/8/2007 cho chị H nuôi dưỡng đến trưởng thành đủ 18 tuổi, yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Thái H, sinh ngày 06/4/2010, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu.

Tại phiên tòa kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân công nhận T tình ly hôn giữa chị H và anh T. Về con chung tiếp tục giao cháu Thanh T cho chị H nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu, giao cháu Thái H cho anh T nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con do anh T không có yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Lê Văn Cẩm T, hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú Ấp H, xã Tân Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Chị H và anh T, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nay chị H yêu cầu ly hôn với anh T, yêu cầu nuôi con, nên phát sinh tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn và nuôi con chung. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[1.4.] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị H và bị đơn anh Lê Văn Cẩm T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh T là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh T là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi, anh chị và gia đình hai bên không tìm cách giải quyết và hàn gắn tình cảm. Nay chị H và anh T thống nhất T tình ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện, không ai cưỡng ép hay ép buộc, cả hai phải tôn trọng, giúp đỡ, chăm sóc, giữ gìn hạnh phúc gia đình, để nuôi dạy con, nhưng giữa chị H và anh T không có sự gắn kết, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng, xung đột kéo dài, không thể hàn gắn được. Mặt khác, chị H và anh T đã ly thân từ năm 2018 đến nay nhưng không thể hàn gắn chung sống với nhau được.

Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Lê Văn Cẩm T phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

[2.2.1.] Về nuôi con chung chưa thành niên: Cháu Lê Thanh T, sinh ngày 03/8/2007 và Lê Thái H, sinh ngày 06/4/2010, đang sống chung với anh T. Chị H và anh T thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con chung, giao cháu Thanh T cho chị H nuôi dưỡng và giao cháu Thái H cho anh T nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung do chị H và anh T không có yêu cầu. Ngoài ra, căn cứ bản khai của cháu Thảo có nguyện vọng được chị H nuôi dưỡng và cháu Hòa có nguyện vọng được anh T nuôi dưỡng.

Vì vậy, để đảm bảo cho cháu Thảo và cháu Hòa có cuộc sống ổn định, phát triển tốt, không gây ảnh hưởng về mặt tâm lý cho cháu khi cha mẹ ly hôn, ổn định việc học, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các cháu và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên sau khi ly hôn và sự thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa nguyên đơn, bị đơn và phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa chị Trần Thị H và anh Lê Văn Cẩm T, giao cháu Thanh T cho chị H nuôi dưỡng, giao

cháu Thái H cho anh Thuận nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con do chị H và anh T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị H và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Thảo, cháu Hòa không ai được cản trở.

[2.2.2.] Về cấp dưỡng cho con: Do chị H và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn anh Lê Văn Cẩm T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Lê Văn Cẩm T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa chị Trần Thị H và anh Lê Văn Cẩm T.

Giao cháu Lê Thanh T, sinh ngày 03/8/2007 cho chị Trần Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lê Văn Cẩm T không phải cấp dưỡng cho cháu Thanh T do chị Trần Thị H không có yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Giao cháu Lê Thái H, sinh ngày 06/4/2010 cho anh Lê Văn Cẩm T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị H không phải cấp dưỡng cho cháu Thái H do anh Lê Văn Cẩm T không có yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, chị H và anh Thuận không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Trần Thị H và anh Lê Văn Cẩm T không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H hoặc anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của chị H hoặc anh T.

3. Về án phí:

Nguyên đơn chị Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Trần Thị H đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010188 ngày 25/5/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, chị Trần Thị H không phải nộp thêm.

Bị đơn anh Lê Văn Cẩm T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 31/8/2022). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Tòa án ND tỉnh;
- Công TTĐT Tòa án;
- UBND xã Tân Bình;
- Lưu: VT/, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Bích Thơ

